

Bản án số: **91/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/8/2023

V/v “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Huệ và ông Phan Đăng Rin.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Lan Hương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Hoài Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 602/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2023; Về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 11 kiết 289 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trương Thị L đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào ngày 13/6/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và bạo lực gia đình, anh Chót hay đánh đập chị và xúc phạm bố mẹ chị, nên vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị L khai chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Ái Ngọc M, sinh ngày 27/4/2013. Chị L có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M và không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24/7/2023, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân thì chị L khai như vậy là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn thì anh thuận tình ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh C xác nhận vợ chồng anh có 01 con chung như chị L đã khai. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu Nguyễn Ái Ngọc M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con do chị L không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác định anh và chị L không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn C không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24/07/2023, cháu Nguyễn Ái Ngọc M (con gái anh C chị L) trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Trương Thị L. Cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ái Ngọc M, sinh ngày 27/4/2013 cho chị Liên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Viện kiểm sát không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Trương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Thị L khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Văn C. Anh C có nơi cư trú: Số 11 kiết 289 đường B, phường P, thành phố Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Văn C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Trương Thị L có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 13/06/2013 (số 32, quyển số 01/2013). Như vậy, hôn nhân giữa anh C và chị L là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình chị L và anh C chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, xúc phạm nhau, không quan tâm đến nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2015, không quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án, anh C đồng ý ly hôn với chị L, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện sự bỏ mặc, không muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh C. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị Liên và anh C không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56

Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Cho chị L được ly hôn với anh C.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh C có 01 con chung là Nguyễn Ái Ngọc M, sinh ngày 27/4/2013. Hiện cháu M đang ở với chị L.

Xét yêu cầu của chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu M là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh C, không làm xáo trộn, thay đổi việc cháu M hiện nay đang trực tiếp chung sống với chị L. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Ái Ngọc M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh C chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Trương Thị L đối với anh Nguyễn Văn C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Chị Trương Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ái Ngọc M, sinh ngày 27/4/2013 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Anh C chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số **0006326** ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế